TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2024/HS-ST
Ngày: 30-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 704/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 725/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị H, sinh năm 1997, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký thường trú: xóm A, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng D và bà Bùi Thị B; Bị cáo có chồng là Lê Đăng B1, sinh năm 1985 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cáp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

- *Bị hại:* **Chị Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, Phạm Thị H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, H một mình điều khiển xe mô tô hiệu Attila biển số 76X9- 5534 đi trên đường thì thấy cửa hàng kinh doanh điện thoại di động H, địa chỉ: 1, tổ G, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có treo biển "Nhận chuyển tiền, rút tiền", H nảy sinh ý định vào cửa hàng trên, sử dụng thủ đoạn gian dối giả vờ nhờ chuyển tiền rồi chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định trên, H dựng xe mô tô biển số 76X9- 5534 trước cửa hàng, đi vào bên trong thì gặp chị Nguyễn Thị Mỹ L (Sinh năm 1985, thường trú: 154/4 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) là chủ cửa hàng, H yêu cầu chị L chuyển khoản vào tài khoản của H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và được chị L thỏa thuận sẽ lấy phí dịch vụ là 15.000 đồng (Mười lăm nghìn đồng), cả hai thỏa thuận tổng số tiền H phải thanh toán cho chị L bằng tiền mặt là 3.015.000 đồng (Ba triệu không trăm mười lăm nghìn đồng). Tin tưởng, chị L dùng tài khoản ngân hàng của mình chuyển tiềnvào tài khoản ngân hàng của Phạm Thị H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), H kiểm tra tài khoản ngân hàng trên điện thoại di động, chụp màn hình giao dịch chuyển khoản của chị L, thông báo đã nhận được đủ số tiền giao dịch, đồng thời giả vờ kiểm tra và lấy tiền trên người nhưng không có rồi lấy lý do để quên tiền trên giỏ xách ngoài xe mô tô đang dựng trước cửa hàng, nói chị L chờ H ra xe mô tô lấy tiền thì được chị L đồng ý. Sau đó H đi bộ ra khỏi cửa hàng, leo lên xe mô tô biển số 76X9 - 5534 đã dựng trước cửa hàng và nổ máy xe tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được, H sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Bị chiếm đoạt tài sản, chị L đến Công an phường T, thành phố B trình báo sự việc. Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

+01 (Một) xe mô tô hiệu Attila biển số 76X9- 5534, số máy 005533, số khung 005533 được H sử dụng làm phương tiện phạm tội, H khai nhận được bà Phạm Thị H1 (cô của H) cho, bà H1 khai nhận đã mua xe mô tô trên vào năm 2014. Quá trình xác minh, xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị Tuyết H2 (Sinh năm 1962, thường trú: Thôn E, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) đứng tên, bà H2 khai nhận bị mất xe mô tô trên vào năm 2013. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xử lý.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung M02, số Imei1 350711261018491, số Imei2 356613221018492 là công cụ H sử dụng phạm tội.

+ 01 USB chứa video nội dung vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ L đã được bị cáo H bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số: 692/CT-VKS-TB ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản

1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung M02, số Imei1 350711261018491, số Imei2 356613221018492 là công cụ H sử dụng phạm tội.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, tại cửa hàng kinh doanh điện thoại di động H, địa chỉ: 1, tổ G, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phạm Thị H đã có hành vi gian dối khiến chị Nguyễn Thị Mỹ L tin tưởng chuyển khoản cho H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), sau đó lấy lý do để quên tiền trên xe mô tô, H ra khỏi cửa hàng, tẩu thoát. Đến ngày 09/9/2024 H bị khởi tố, xử lý theo quy định.

[2.1] Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo được bị hại làm đơn xin bãi nại, bị cáo đang nuôi 03 con, có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện nay bị cáo còn phải nuôi 03 con nhỏ, việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là chưa cần thiết. Do đó áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, thời hạn 08 tháng. Do hiện nay bị cáo có thu nhập thấp, hiện tại bị cáo còn phải nuôi 03 con nhỏ nên miễn, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] 01 (Một) xe mô tô hiệu Attila biển số 76X9- 5534, số máy 005533, số khung 005533 được H sử dụng làm phương tiện phạm tội, H khai nhận được bà Phạm Thị H1 (cô của H) cho, bà H1 khai nhận đã mua xe mô tô trên vào năm 2014. Quá trình xác minh, xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị Tuyết H2 (Sinh năm 1962, thường trú: Thôn E, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) đứng tên, bà H2 khai nhận bị mất xe mô tô trên vào năm 2013. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xử lý sau nên không đặt ra xem xét.

[6.2] 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung M02, số Imei1 350711261018491, số Imei2 356613221018492 là công cụ H sử dụng phạm tội nên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[6.3] 01 USB chứa video nội dung vụ án, lưu cùng hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận 3.000.000 đồng tiền bồi thường không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 32, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Thị H.

2. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung M02, số Imei1 350711261018491, số Imei2 356613221018492.

(Vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/12/2024)

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến